TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2026/HNGĐ-ST
Ngày 06 – 3 – 2026
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Lâm Hoài Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Trường.

2. Ông Bùi Xuân Minh.

- Thư ký phiên toà: Ông Bùi Vũ Phong – Là Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau.

Ngày 06 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 31/2026/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2026 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Hồng P, sinh năm 1984; Căn cước công dân số 096184004329, cấp ngày 14/08/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH; Địa chỉ: Ấp Lung Trường, xã T, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1981; Căn cước công dân số 096081011382, cấp ngày 14/08/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH; Địa chỉ: Ấp Lung Trường, xã T, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Võ Hồng P và anh Trần Văn Đ chung sống với nhau vào năm 2001, nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, chị P cho rằng giữa vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do anh Đ thường xuyên uống rượu về nhà đánh vợ con, đập phá tài sản trong gia đình. Hiện chị và anh Đ đã sống ly thân từ ngày 10/5/2024 cho đến nay nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Đ.

Về con chung là Trần Huỳnh Như, sinh ngày 22/5/2003 và Trần Bảo Huỳnh, sinh ngày 21/12/2011. Hiện cháu Như đã có gia đình nên chị P không đặt ra yêu cầu gì. Riêng cháu Huỳnh đang chung sống với chị nên khi ly hôn, chị P xác định cháu có nguyện vọng ở với ai thì người đó nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi

con. Đối với cháu Huỳnh đã được Tòa án ghi ý kiến và cháu có nguyện vọng chung sống với chị P.

Về tài sản chung và nợ chung, chị Võ Hồng P khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời, do bận công việc nên chị Võ Hồng P xin vắng mặt trong các phiên họp, hòa giải và xét xử cho đến khi kết thúc vụ án.

Đối với anh Trần Văn Đ (bị đơn) tuy đã được Thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng anh không đến Toà, cũng không gửi văn bản để nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị Võ Hồng P (nguyên đơn).

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng, nguyên đơn đã có lời khai và có đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt, riêng bị đơn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị xin vắng mặt của nguyên đơn và tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Nguyên đơn và bị đơn chung sống với nhau từ năm 2001 đến nay tuy đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo luật định nên căn cứ vào khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình thì việc kết hôn trên không được đăng ký theo quy định là không có giá trị pháp lý.

Mặc dù, bị đơn không trực tiếp đến Tòa cũng không gửi ý kiến bằng văn bản để phản bác hoặc phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng do hôn nhân có vi phạm về mặt hình thức, nên quan hệ hôn nhân giữa các đương sự không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do đó, yêu cầu về hôn nhân của nguyên đơn được chấp nhận.

[2] Về con chung là Trần Huỳnh Như, sinh ngày 22/5/2003 và Trần Bảo Huỳnh, sinh ngày 21/12/2011. Hiện cháu Như đã thành niên, có gia đình riêng và nguyên đơn không đặt ra yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với cháu Huỳnh hiện đang chung sống với nguyên đơn và có nguyện vọng được sống với nguyên đơn khi Tòa án giải quyết ly hôn, nguyện vọng trên của cháu phù hợp với ý kiến trình bày của nguyên đơn, riêng bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không gửi văn bản ý kiến cho Tòa xem xét nên chưa có cơ sở để khẳng định việc giao con cho bị đơn nuôi dạy sẽ đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con trong khi cháu Huỳnh không đồng ý chung sống với bị đơn. Do đó, tiếp tục giao cháu Huỳnh cho nguyên đơn nuôi dưỡng là phù hợp.

Riêng việc cấp dưỡng nuôi con, nguyên đơn không đặt ra yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con – Đây là ý chí tự nguyện, quyền tự định đoạt của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không đặt xem xét về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung và nợ chung, nguyên đơn khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, nguyên đơn phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, 14, 53, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 144, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân, không công nhận vợ chồng giữa chị Võ Hồng P và anh Trần Văn Đ.

- Về con chung là Trần Huỳnh Như, sinh ngày 22/5/2003 và Trần Bảo Huỳnh, sinh ngày 21/12/2011. Hiện cháu Như đã thành niên và có gia đình riêng nên không đặt ra xem xét. Riêng cháu Huỳnh, tiếp tục giao cho chị Võ Hồng P chăm sóc, nuôi dưỡng và không đặt ra trách nhiệm anh Trần Văn Đ cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung, chị Võ Hồng P khai không có nên không đặt ra xem xét.

- Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, chị Võ Hồng P phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Ngày 09/01/2026, chị P đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số 0000331 được đối trừ, chuyển thu sung quỹ Nhà nước.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Lâm Hoài Ân